

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THEO NỘI DUNG CHI (NGUỒN NGÂN SÁCH HỖ TRỢ)

TT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	KINH PHÍ	GHI CHÚ
I	Trung tâm ứng dụng KH-CN và BV cây trồng vật nuôi huyện	Chi phí khảo sát lựa chọn địa điểm, chọn hộ xây dựng mô hình. Xây dựng phương án triển khai và DTKP, mua chế phẩm. Tổ chức tập huấn hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình. Theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện	500000000	Do cần ứng dụng công nghệ mới và cần có rà soát đánh giá cụ thể gắn với tư vấn hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực hiện nên đề nghị giao cho Trung tâm chủ trì thực hiện nội dung này
TỔNG CỘNG			500.000.000	

TỔNG HỢP THEO NỘI DUNG CHI

DVT: đồng

TT	Nội dung	Tỷ lệ %	Thành tiền	Nguồn vốn	
				Ngân sách hỗ trợ	Đối ứng của đơn vị chủ trì và hộ mô hình
1	Khoản 1. Chi phí quản lý dự án	1,60	16.744.000	16.744.000	0
2	Khoản 2: Chi phí Chuyển giao công nghệ, công tác phí xây dựng mô hình, tập huấn	10,17	106.376.000	69.176.000	37.200.000
3	Khoản 3: Chi phí trực tiếp xây dựng mô hình	88,23	922.880.000	414.080.000	508.800.000
	Cộng	100	1.046.000.000	500.000.000	546.000.000

Người lập dự toán

Kế toán

Giám đốc

Tôn Kế Toại

Nguyễn Thị Anh

Phan Xuân Đức

DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG MÔ HÌNH XỬ LÝ RƠM RẠ (8 xã * 15ha/xã)

Khoản 1. Chi phí quản lý dự án

DVT: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng	Nguồn vốn		Cơ sở tính toán	Đơn vị thực hiện
						Ngân sách	Đối ứng		
1	Khảo sát, lựa chọn địa điểm/hộ tham gia				12.512.000	12.512.000	0		
-	Công khảo sát (1 ngày/xã*8 xã * 2 người)	Ngày	16	106.000	1.696.000	1.696.000		Theo mục 2, điểm a, khoản 13, điều 4	
	Công cán bộ xã, thôn phối hợp chọn hộ (2 người *1 ngày/xã * 8 xã)	Ngày	16	106.000	1.696.000	1.696.000		Thông tư: 55/2023/TT-BTC; khoản 5 điều 3 TT Số: 109/2016/TT-	
-	Công tác phí đi khảo sát								
	Khoán xăng xe: 0,2 lít/km (8 ngày *2 người* bình quân 100km/ngày)	km	1.600	4.200	6.720.000	6.720.000		Theo điểm a, khoản 3, điều 12 Thông tư: 55/2023/TT-BTC; điểm b, khoản 2, điều 5 TT Số: 40/2017/TT-BTCĐiểm b, khoản 2, điều 5, Nghị quyết 70/2017/NQ-HĐND	
	Phụ cấp công tác phí (2 người * 8 ngày)	Ngày	16	150.000	2.400.000	2.400.000		Theo điểm a, khoản 3, điều 12 Thông tư: 55/2023/TT-BTC; khoản 1 điều 6 TT Số: 40/2017/TT-BTC. Điểm b, khoản 2, điều 6, Nghị quyết 70/2017/NQ-HĐND	
2	Công xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện				2.094.000	2.094.000			

-	Thành viên chính (TL _{tv} = 0.8 x DM _{tv} x (1/22))	Công	3	698.000	2.094.000	2.094.000		Theo khoản 13 điều 4 Thông tư:55/2023/TT- BTC; điều 2, 3, 4, 5 và 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC; Điều 3, điều 4 Thông tư 02/2023/TT- BKHCN và khoản 1, điều 2 NQ 104/2023/NQ-HĐND tỉnh Hà Tĩnh
3	Chi phí quản lý nhiệm vụ				2.138.000	2.138.000		
	Văn phòng phẩm, in ấn, thông tin liên lạc	Nhiệm vụ	1	2.138.000	2.138.000	2.138.000		Theo thực tế
	Tổng				16.744.000	16.744.000	0	

Khoản 2: Chi phí Chuyển giao công nghệ, công tác phí xây dựng mô hình, tập huấn

DVT: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng	Nguồn vốn		Cơ sở tính toán	Đơn vị thực hiện
						Ngân sách hỗ trợ	Đối ứng		
1	Chuyển giao công nghệ, thuê khoán chuyên gia				15.000.000	15.000.000	0		
	Chuyên gia hỗ trợ công nghệ xử lý rơm rạ tại đồng ruộng	Tháng	0,5	30.000.000	15.000.000	15.000.000	0	Điều 21 và điều 23 Nghị định 27 và khoản 6, điều 4 Thông tư:55/2023/TT-BTC; Điều 3, 4 và 5 Thông tư số: 02/2015/TT- BLĐT BXH	
2	Công tác phí đi lại hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình				35.376.000	22.176.000	13.200.000		

-	Khoán xăng xe: 0,2 lít/km (tính bình quân 11 ngày/xã * 8 xã *30km*2 đi/về)	km	5.280	4.200	22.176.000	22.176.000	0	Theo điểm a, khoản 3, điều 12 Thông tư: 55/2023/TT-BTC; điểm b, khoản 2, điều 5 TT Số: 40/2017/TT- BTCĐiểm b, khoản 2, điều 5, Nghị quyết 70/2017/NQ-HĐND
-	Phụ cấp công tác phí: 11 công/xã* 8 xã	Ngày	88	150.000	13.200.000	0	13.200.000	Theo điểm a, khoản 3, điều 12 Thông tư: 55/2023/TT-BTC; khoản 1 điều 6 TT Số: 40/2017/TT-BTC. Điểm b, khoản 2, điều 6, Nghị quyết 70/2017/NQ-HĐND
3	Đào tạo tập huấn cho các hộ sản xuất lúa trên địa bàn huyện (1 lớp/xã* 100 người/lớp *8 xã)				56.000.000	32.000.000	24.000.000	
	Giảng viên	lớp	8	2.000.000	16.000.000	16.000.000	0	Theo khoản 1, điều 4 Thông tư: 55/2023/TT- BTC; điểm a, khoản 2, điều 5 TT Số 36/2018/TT-BTC
	Trợ giảng và hỗ trợ thực hành	lớp	8	1.000.000	8.000.000	0	8.000.000	
	Chi phí các xã phối hợp tổ chức lớp	lớp	8	500.000	4.000.000	4.000.000	0	
	In ấn tài liệu, VPP (8 lớp *100 người/lớp)	bộ	800	10.000	8.000.000	8.000.000	0	

Đề nghị Phân
bộ giao trực
tiếp cho Trung
tâm ứng dụng
KHCN và BV
cây trồng vật
nuôi huyện chủ
trì thực hiện

	Nước uống, điểm tâm giữa giờ (8 lớp *100 người/lớp)	người	800	20.000	16.000.000	0	16.000.000	Theo mục 4, điểm c, khoản 2 Điều 4 Thông tư: 55/2023/TT-BTC, khoản 3 Điều 12 TT Số 40/2017/TT-BTC
	Hội trường, loa máy, market	lớp	8	500.000	4.000.000	4.000.000	0	Theo điểm c khoản 2 điều 4 TT Số: 55/2023/TT-BTC
	Tổng				106.376.000	69.176.000	37.200.000	

Khoản 3: Chi phí trực tiếp xây dựng mô hình

DVT: Đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng	Nguồn vốn		Cơ sở tính toán	Đơn vị thực hiện
						Ngân sách hỗ trợ	Đối ứng của mô hình		
1	Công hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình và theo dõi đánh giá hiệu quả tại 8 xã				46.080.000	46.080.000	0	Theo khoản 13 điều 4 Thông tư:55/2023/TT-BTC; điều 2, 3, 4, 5 và 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC; Điều 3, điều 4 Thông tư 02/2023/TT-BKHCN và khoản 1, điều 2 NQ 104/2023/NQ-HĐND	Đề nghị Phân bổ giao trực tiếp cho Trung tâm ứng dụng KHCN và BV cây trồng vật nuôi huyện chủ trì thực hiện
	<i>Thành viên chính (TLtvc = 0.8 x DMtvc* 0.6) tính quy đổi 22 ngày/tháng</i>	<i>tháng</i>	<i>2,0</i>	<i>15.360.000</i>	<i>30.720.000</i>	<i>30.720.000</i>			
	<i>Thành viên: 2 người (TLtvc = 0.4 x DMtvc* 0.6)</i>	<i>tháng</i>	<i>2,0</i>	<i>7.680.000</i>	<i>15.360.000</i>	<i>15.360.000</i>			
2	Nhân công lao động phổ thông xử lý chế phẩm sinh học xử lý gốc rạ tại đồng ruộng (20 công/ha* 15ha/xã*8 xã = 120ha)	Công	2400	212.000	508.800.000	0	508.800.000	Điều 6 Thông tư 02/TT-BKHCN;điểm b, khoản 1, điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC; Khoản 1, điều 3 Nghị định 38/2022/NĐ-CP	Xã huy động đối ứng nhân công của các hộ XDMH

	Vật tư, nguyên liệu, năng lượng				360.000.000	360.000.000	0	Theo khoản 4, điều 12 TT Số: 55/2023/TT-BTC; theo giá thực tế	Đề nghị Phân bổ giao trực tiếp cho Trung tâm ứng dụng KH-CN và BV cây trồng vật nuôi huyện chủ trì thực hiện
3	<i>Chế phẩm sinh học Biora xử lý rơm rạ tại đồng ruộng (20kg/ha/vụ *15ha/xã *8 xã)</i>	kg	2.400	150.000	360.000.000	360.000.000	0		
4	Biển báo mô hình	cái	8	1.000.000	8.000.000	8.000.000	0		
	Tổng				922.880.000	414.080.000	508.800.000		
	Cộng (I+II)+ (III)				1.046.000.000	500.000.000	546.000.000		